

Loại đất	Mô tả lô	Diện tích (m ²)	Loại sử dụng đất							Giao thông- Quảng trường (m ²)	Tầng cao công trình (tầng)	MĐXD (%)	Hệ số SĐĐ (lần)	Tổng diện tích sàn (m ²)
			Thương mại (m ²)	Khách sạn (m ²)	Dân cư (m ²)	Hỗn hợp (m ²)	Giáo dục (m ²)	Hành chính (m ²)	Công viên (m ²)					
M2	Đất hỗn hợp	172.834				172.834					4	60%	2,4	414.801,6
1.4. Không gian mở và cây xanh														
G1	Khoảng xanh- Công viên	21.463							21.463		1	20%	0,2	4.292,6
G2		10.414							10.414		1	20%	0,2	2.082,8
1.5. Đất giao thông - cây xanh cách ly		286.177							286.177					
2. KHU TRI THỨC		696.200												
2.1. Đất thương mại														
C81	Nằm ở phía Bắc cầu Hùng Vương, bao gồm các văn phòng chuyên nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới, CNTT,...	13.178	13.178								15	43%	6,45	84.998,1
C82		12.776	12.776								15	43%	6,45	82.405,2
C9		10.800	10.800								15	43%	6,45	69.660
C10		10.518	10.518								20	40%	8	84.144
C11.1		10.275	10.275								20	40%	8	82.200
C11.2		10.556	10.556								20	40%	8	84.448
C12.1		14.037	14.037								20	40%	8	112.296
C12.2		14.000	14.000								20	40%	8	112.000
C13.1		14.038	14.038								20	33%	6,6	92.650,8
C13.2		14.000	14.000								20	33%	6,6	92.400
C14.1		13.694	13.694								20	40%	8	109.552
C14.2		14.038	14.038								20	40%	8	112.304
CM5.1		19.863	19.863								10	60%	6	119.178
CM5.2		22.274	22.274								10	60%	6	133.644
2.2. Đất giáo dục														
CM6	Dành cho trường, cơ sở giáo dục và đào tạo.	31.671					31.671				10	60%	6	190.026
CM10.1		14.287					14.287				20	33%	6,6	94.294,2
CM10.2		13.753						13.753			20	33%	6,6	90.769,8
2.3. Sử dụng hỗn hợp														